TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO L** TỈNH LÂM Đ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: **54**/2019/QĐST-HNGĐ	*Bảo Lâm, ngày 03 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị N, sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn Đông La 2, xã Lộc Đ, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ

- *Bị đơn*: Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn Đông La 2, xã Lộc Đ, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Trần Thị N** và ông **Phạm Quốc V**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Phạm Quốc V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N và ông V thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Phạm Phú Q, sinh ngày 29/10/2003 và cháu Phạm Vũ T, sinh ngày 17/5/2006 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông V không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Bà N và ông V thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Trần Thị N phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012799 ngày 27/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ. Bà Trần Thị N được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm .

Nơi nhận:
- VKSND, TAND tỉnh Lâm Đ;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Lộc Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Biên